

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Ban Giám Đốc	1 - 2
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/03/2011	3 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính Quý I năm 2011	7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính Quý I năm 2011	8
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 27

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

---

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) cho thời kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000078, ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 số 3700530696 vào ngày 21 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 312.498.390.000 đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 03 năm 2011, Công ty có đầu tư vào 11 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất;
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán phân bón;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

### 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Võ Trường Thành	Chủ tịch
Ông Tạ Văn Nam	Thành viên
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên
Bà Diệp Thị Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Thành viên
Ông Lã Giang Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Nguyễn Minh Thanh	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Võ Trường Thành	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm trong năm 2011)
Ông Huỳnh Phú Quốc	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm trong năm 2011)

### 3. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 4. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 03 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho thời kỳ tài chính Quý I năm 2011 kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 15 tháng 05 năm 2011

**KT** TỔNG GIÁM ĐỐC



**VÕ TRƯỜNG THÀNH**

053  
NG  
PH  
ĐO  
GH  
NG TH  
Y-T. B

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>T/M</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,207,165,543,597</b>	<b>1,957,691,709,903</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>19,626,575,399</b>	<b>17,156,911,559</b>
1 Tiền	111		17,626,575,399	13,956,911,559
2 Các khoản tương đương tiền	112		2,000,000,000	3,200,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	(5.2)	<b>28,057,350,000</b>	<b>15,085,100,000</b>
1 Đầu tư ngắn hạn	121		29,221,050,000	16,248,800,000
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(1,163,700,000)	(1,163,700,000)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	(5.3)	<b>673,585,653,490</b>	<b>506,969,413,602</b>
1 Phải thu của khách hàng	131		561,076,273,555	446,955,148,229
2 Trả trước cho người bán	132		98,388,973,935	47,420,142,844
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5 Các khoản phải thu khác	135		17,984,649,627	16,458,366,156
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3,864,243,627)	(3,864,243,627)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.4)	<b>1,409,299,978,651</b>	<b>1,351,591,162,186</b>
1 Hàng tồn kho	141		1,416,061,644,630	1,358,352,828,165
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	149		(6,761,665,979)	(6,761,665,979)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>76,595,986,057</b>	<b>66,889,122,556</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,806,947,962	2,001,358,704
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,796,397,514	1,613,965,495
3 Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		397,761,507	323,579,564
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	69,594,879,074	62,950,218,793

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>T/M</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>688,848,866,251</b>	<b>692,914,795,052</b>
<b><i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i></b>	<b>210</b>			
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3 Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4 Phải thu dài hạn khác	218			
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b><i>II. Tài sản cố định</i></b>	<b>220</b>		<b>535,935,080,676</b>	<b>540,268,268,811</b>
<b>1 TSCĐ hữu hình</b>	<b>221</b>	(5.6)	<b>369,588,361,322</b>	<b>399,133,452,153</b>
- Nguyên giá	222		450,359,495,312	473,849,045,823
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80,771,133,990)	(74,715,593,670)
<b>2 TSCĐ thuê tài chính</b>	<b>224</b>			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
<b>3 TSCĐ vô hình</b>	<b>227</b>	(5.7)	<b>46,341,478,452</b>	<b>52,961,052,936</b>
- Nguyên giá	228		51,626,240,215	58,286,067,715
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,284,761,763)	(5,325,014,779)
<b>4 Giá trị xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	(5.8)	<b>120,005,240,902</b>	<b>88,173,763,722</b>
<b><i>III. Bất động sản đầu tư</i></b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b><i>VI. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i></b>	<b>250</b>	(5.9)	<b>142,081,504,466</b>	<b>142,697,006,478</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251			
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,609,193,499	1,542,060,210
3 Đầu tư dài hạn khác	258		143,083,720,000	142,683,720,000
4 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(2,611,409,033)	(1,528,773,732)
<b><i>V. Tài sản dài hạn khác</i></b>	<b>260</b>		<b>10,832,281,109</b>	<b>9,949,519,763</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		9,847,826,564	8,642,066,252
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3 Tài sản dài hạn khác	268		984,454,545	1,307,453,511
<b><i>VI. Lợi thế thương mại</i></b>	<b>269</b>			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,896,014,409,848</b>	<b>2,650,606,504,955</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>T/M</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,091,148,747,893</b>	<b>1,841,098,552,449</b>
<b><i>I. Nợ ngắn hạn</i></b>	<b>310</b>		<b>1,973,862,514,892</b>	<b>1,721,309,577,249</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	1,603,511,501,220	1,494,849,252,043
2 Phải trả người bán	312	(5.11)	265,302,703,609	129,645,941,698
3 Người mua trả tiền trước	313	(5.11)	58,984,287,076	51,174,612,557
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.12)	10,490,360,395	5,262,084,879
5 Phải trả người lao động	315		17,992,912,110	25,260,263,637
6 Chi phí phải trả	316		6,487,538,777	7,445,538,278
7 Phải trả nội bộ	317		2,100,000	
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.13)	11,327,309,433	7,465,531,884
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(236,197,728)	206,352,272
<b><i>II. Nợ dài hạn</i></b>	<b>330</b>		<b>117,286,233,001</b>	<b>119,788,975,200</b>
1 Phải trả dài hạn người bán	331			
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3 Phải trả dài hạn khác	333		48,000,000	48,000,000
4 Vay và nợ dài hạn	334	(5.14)	116,724,719,537	119,141,719,537
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		461,695,284	518,801,118
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		51,818,180	80,454,545
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>684,919,622,913</b>	<b>691,003,562,436</b>
<b><i>I. Vốn chủ sở hữu</i></b>	<b>410</b>	(5.15)	<b>684,919,622,913</b>	<b>691,003,562,436</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		312,498,390,000	312,498,390,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		338,265,055,015	338,265,055,014
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		3,212,548,834	3,212,548,834
4 Cổ phiếu quỹ	414		(420,631,294)	(420,631,294)
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(16,184,082,908)	
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		6,292,508,698	6,152,120,739
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		3,834,300,888	3,767,885,040
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		12,804,443	8,963,110
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		37,408,729,236	27,519,230,994
11 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b><i>III. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i></b>	<b>430</b>			
1 Nguồn kinh phí	432			
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	(5.16)	<b>119,946,039,043</b>	<b>118,504,390,070</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>600</b>		<b>2,896,014,409,848</b>	<b>2,650,606,504,955</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		34,375,321,092	34,375,321,092
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2,619,584,016	2,619,584,016
5. Ngoại tệ		-	-
+ USD		438,639.54	250,872.00
+ EUR		2,364.68	2,452.00
+ JPY		277,000.00	277,000.00
+ CNY		13,888.00	17,175.00
+ GBP		45.00	45.00
+ THB		3,960.00	3,960.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 15 tháng 05 năm 2011

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**NGUYỄN VĂN HẬU**

**KI TỔNG GIÁM ĐỐC**



**VÕ TRƯỜNG THÀNH**

0053  
 CÔNG  
 CỔ PHẦN  
 .P.Đ  
 NGI  
 LƯỜNG  
 YÊN-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Chỉ tiêu	Mã số	T/M	QUÝ I-2011 (12 Công ty)	QUÝ I-2010 (05 Công ty)
<b>1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>569,092,142,668</b>	<b>345,749,906,321</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		182,288,950	9,204,825,240
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>568,909,853,718</b>	<b>336,545,081,081</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	488,686,582,001	275,103,193,078
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>80,223,271,717</b>	<b>61,441,888,003</b>
6. Doanh thu tài chính	21	6.3	7,737,849,324	1,220,543,330
7. Chi phí tài chính	22	6.4	50,648,278,970	28,803,759,013
- Trong đó: lãi vay phải trả	23		44,320,634,349	26,740,758,457
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	7,630,588,948	6,369,293,194
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	22,137,993,279	21,321,730,466
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh[30 =20+(21 - 22)-(24 + 25)]</b>	<b>30</b>		<b>7,544,259,843</b>	<b>6,167,648,660</b>
11. Thu nhập khác	31		34,815,639,989	1,133,789,142
12. Chi phí khác	32		31,148,561,113	445,458,327
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>3,667,078,876</b>	<b>688,330,815</b>
<b>14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>(390,806,501)</b>	
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)</b>	<b>50</b>		<b>10,820,532,218</b>	<b>6,855,979,475</b>
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		351,152,885	541,848,929
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>10,469,379,333</b>	<b>6,314,130,546</b>
17.1 Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	61		2,584,082,989	806,562,237
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		7,885,296,344	5,507,568,309
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>5.15.2</b>	<b>252</b>	<b>269</b>

069  
 T.Y  
 AN  
 OAT  
 IE G  
 THAN  
 T.BINH

Bình Dương, ngày 15 tháng 05 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN HẬU

K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC




VÕ TRƯỜNG THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Kỳ tài chính Quý I năm 2011

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
		Năm nay ( 12 Công ty)	Năm Trước (5 Công ty)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu trực tiếp bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	891,472,500,350	584,036,820,981
2. Tiền chi trả cho người bán	02	(786,890,297,612)	(472,231,670,414)
3. Tiền trả cho công nhân viên	03	(59,937,803,300)	(47,508,437,950)
4. Tiền trả lãi vay	04	(46,472,816,806)	(26,740,758,457)
5. Tiền chi nộp thuế và các khoản cho nhà nước	05	(3,951,037,042)	(1,086,173,209)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	269,077,774,945	99,957,642,889
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(245,409,563,199)	(119,814,369,259)
8. Tiền thu hoàn VAT	08	3,703,824,166	2,679,402,295
9. Tiền chi ký quỹ mở L/C	09	(93,334,925)	(1,005,908,996)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21,499,246,577</b>	<b>18,286,547,880</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,703,881,601)	(1,805,964,321)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	22,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3,340,000,000)	(612,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2,883,779,048
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(16,326,690,739)	(9,690,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18,770,713	24,058,466
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(21,329,801,627)</b>	<b>(9,200,126,807)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15,399,888,739	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	621,931,964,295	367,201,757,622
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(623,513,153,965)	(380,159,450,891)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(350,000,000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>13,468,699,069</b>	<b>(12,957,693,269)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>13,638,144,019</b>	<b>(3,871,272,196)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>17,156,911,559</b>	<b>10,970,027,700</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(11,168,480,179)	322,346,759
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>19,626,575,399</b>	<b>7,421,102,263</b>

Bình Dương, ngày 15 tháng 05 năm 2011

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN HẬU

Tổng Giám đốc



VÔ TRƯỜNG THÀNH

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000078, ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 số 370053069 vào ngày 21 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 312.498.390.000 đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 03 năm 2011, Công ty có đầu tư vào 11 công ty con, được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất;
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán phân bón;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

### 1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

#### 1.3.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1)	Km 86 - Quốc lộ 14, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak	70,00%	70,00%
2.	Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)	Thôn 05, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak	70,00%	70,00%
3.	Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	Khu phố 04, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	60,00%	64,16%

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.	Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên)	C8 Khu Công Nghiệp Hòa Hiệp, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên	60,00%	60,00%
5.	Công ty Cổ Phần Lâm Nghiệp Trường Thành (Daklak)	35 Đường Quang Trung, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Daklak	99,34%	100,00%
6.	Công ty Cổ Phần Trường Thành Xanh (Phú Yên)	81 Nguyễn Tất Thành, Phường 02, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	85,72%	100,00%
7.	Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (Thủ Đức)	Đào Trinh Nhất, Khu phố 01, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	45,60%	89,06%
8.	Công ty Cổ Phần Trồng Rừng Trường Thành (Daklak)	35 Đường Quang Trung, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Daklak	51,00%	46,07%
9.	Công ty Cổ Phần Ván Công Nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	Khu phố 04, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	51,00%	99,87%

### 1.3.2. Công ty con gián tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Trường Thành - Phước An	Số 107 Đường Lê Duẩn, Khối 04, Thị trấn Phước An, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk	50,00%	50,00%
2.	Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Xã Hoà Tiến, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk	50,00%	82,31%

### 1.4. Danh sách Công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ Phần Bao Bi Trường Thành	19 Đường số 11 (Đào Trinh Nhất), Khu phố 01, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	23,08%	53,70%

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

### **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

#### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### **3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

#### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011.

### **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành, báo cáo tài chính các công ty con đã được đề cập tại mục 1.3 của Thuyết minh này và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho cho thời kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Các số dư và các giao dịch nội bộ đã được loại trừ. Tập đoàn có chính sách bán hàng không tạo ra lợi nhuận đối với các công ty trong Tập đoàn.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất tối đa không quá 10 năm.

#### **4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

#### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Giá thành được quyết toán theo từng đơn hàng. Đối với những đơn hàng còn dở dang, giá vốn được ước tính theo giá thành kế hoạch.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào ... và lò sấy tại Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2), và dây chuyền sản xuất ván xộp tại Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 – 20 năm
+ Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
+ Thiết bị truyền dẫn	12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10 năm
+ Phần mềm tin học	05 – 30 năm

### Quyền sử dụng đất

Đối với Quyền sử dụng đất không thời hạn: Tập đoàn không tính khấu hao.

Đối với Quyền sử dụng đất có thời hạn: Tập đoàn tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

#### 4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

### 4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### 4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận chịu thuế trong 50 năm (từ năm 2000), Công ty được giảm 50% thuế TNDN từ năm 2007 đến năm 2010. Ngoài ra, Công ty còn được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu khi có doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước và được giảm 20% thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập có được do doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% trên tổng doanh thu. Việc ưu đãi này sẽ được áp dụng đến hết năm 2011 theo quy định tại Nghị định 124/2008/NĐ-CP, ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN.

Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 20% trong 10 năm, trong đó Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

#### **4.12. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

#### **4.13. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được điều chỉnh hồi tố cho việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và 11 Công ty con như đã nêu tại mục 1.3 của thuyết minh này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	5.603.228.226	1.012.157.944
Tiền gửi ngân hàng – VND	2.816.828.631	8.452.366.055
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ	9.093.472.891	4.381.779.318
Tiền gửi tại Công ty chứng khoán – VND	111.161.865	110.608.242
Tiền đang chuyển	1.883.786	-
Các khoản tương đương tiền	<u>2.000.000.000</u>	<u>3.200.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>19.626.575.399</u></b>	<b><u>17.156.911.559</u></b>

#### 5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cho vay ngắn hạn	2.660.000.000	4.570.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.998.800.000	1.998.800.000
Tiền gửi có kỳ hạn	20.312.250.000	9.680.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	<u>4.250.000.000</u>	<u>9.680.000.000</u>
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>29.221.050.000</b>	<b>16.248.800.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<u>(1.163.700.000)</u>	<u>(1.163.700.000)</u>
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b><u>28.057.350.000</u></b>	<b><u>15.085.100.000</u></b>

#### 5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	561.076.273.555	446.955.148.229
Trả trước cho người bán	98.388.973.935	47.420.142.844
Các khoản phải thu khác	<u>17.984.649.627</u>	<u>16.458.366.156</u>
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>677.499.897.117</b>	<b>510.833.657.229</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(3.864.243.627)</u>	<u>(3.864.243.627)</u>
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b><u>673.585.653.490</u></b>	<b><u>506.969.413.602</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	2.570.696.204	1.627.731.693
Nguyên liệu, vật liệu	933.949.324.356	897.501.404.701
Vật liệu phụ	28.541.275.959	26.729.306.742
Đồ dùng thay thế	209.481.938	1.181.014.436
Chi phí thu mua nguyên liệu	1.199.086.136	6.651.843.477
Công cụ, dụng cụ	1.964.838.699	3.123.359.137
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	318.557.246.430	303.018.814.666
Thành phẩm	48.023.922.651	49.466.915.291
Hàng hóa	55.143.228.829	44.354.914.392
Hàng gửi đi bán	25.869.287.854	24.697.523.630
Nhiên liệu	33.255.575	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>1.416.061.644.630</b>	<b>1.358.352.828.165</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.761.665.979)	(6.761.665.979)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>1.409.299.978.651</b>	<b>1.351.591.162.186</b>

## 5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	66.103.447	57.122.447
Tạm ứng cho nhân viên	31.207.909.504	24.073.231.036
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.320.866.123	38.819.865.310
<b>Tổng cộng</b>	<b>69.594.879.074</b>	<b>62.950.218.793</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	222.372.462.663	222.821.454.160	23.248.514.900	4.017.407.975	1.389.206.125	473.849.045.823
Mua trong kỳ	731.413.934	1.108.631.256	42.727.273	22.000.000	-	1.904.772.463
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	25.318.868.430	75.454.545	-	-	25.394.322.975
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>223.103.876.597</b>	<b>198.611.216.986</b>	<b>23.215.787.628</b>	<b>4.039.407.975</b>	<b>1.389.206.125</b>	<b>450.359.495.312</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	37.171.572.016	29.507.500.849	5.715.475.631	2.158.984.917	162.060.257	74.715.593.670
Khấu hao trong kỳ	2.869.475.939	3.667.188.822	667.259.511	129.803.392	42.165.681	7.375.893.346
Thanh lý, nhượng bán	-	1.289.683.551	30.669.475	-	-	1.320.353.026
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>40.041.047.955</b>	<b>31.885.006.120</b>	<b>6.352.056.667</b>	<b>2.288.788.309</b>	<b>204.225.938</b>	<b>80.771.133.990</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	185.200.890.647	193.313.953.311	17.533.039.269	1.858.423.058	1.227.145.868	399.133.452.153
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>183.062.828.642</b>	<b>166.726.210.866</b>	<b>16.863.721.961</b>	<b>1.750.619.666</b>	<b>1.184.980.187</b>	<b>369.588.361.322</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	52.045.222.209	6.240.845.506	58.286.067.715
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	6.659.827.500	-	6.659.827.500
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>45.385.394.709</b>	<b>6.240.845.506</b>	<b>51.626.240.215</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.473.549.670	851.465.109	5.325.014.779
Khấu hao trong kỳ	372.771.521	62.677.472	435.448.993
Thanh lý, nhượng bán	475.702.009	-	475.702.009
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.370.619.182</b>	<b>914.142.581</b>	<b>5.284.761.763</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	47.571.672.539	5.389.380.397	52.961.052.936
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>41.014.775.527</b>	<b>5.326.702.925</b>	<b>46.341.478.452</b>

**5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 10.320 m2 đất tại Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	32.500.000.000	32.500.000.000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Đức Bình Đông, Huyện Sông Hình, Tỉnh Phú Yên	1.203.500.000	1.203.500.000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, Tỉnh Phú Yên	828.300.000	828.300.000
Thanh toán tiền lần 1 tiền thuê đất tại cum CN Uyên Hưng	1.934.400.304	-
Nhà máy veneer và nhà chứa bụi	-	9.043.473.891
Mua sắm máy móc thiết bị	69.834.803.136	34.596.584.882
Xây dựng cơ bản dở dang khác	13.704.237.462	10.001.904.949
<b>Tổng cộng</b>	<b>120.005.240.902</b>	<b>88.173.763.722</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	1.609.193.499	1.542.060.210
Đầu tư dài hạn khác	<u>143.083.720.000</u>	<u>142.683.720.000</u>
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>144.492.913.499</b>	<b>144.225.780.210</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(2.611.409.033)</u>	<u>(1.528.773.732)</u>
<b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b><u>142.081.504.466</u></b>	<b><u>142.697.006.478</u></b>

Danh sách các công ty liên kết mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Số lượng cổ phần	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 31/03/2011	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/03/2011
Công ty Cổ Phần Bao Bì Trường Thành	<u>200.000</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>1.609.193.499</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>200.000</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>1.609.193.499</u></b>

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp và Thương Mại Lidovit	228.960	2.212.000.000	228.960	2.212.000.000
Công ty Cổ Phần Phú Hữu Gia	5.268.000	52.680.000.000	5.228.000	52.280.000.000
Công ty Cổ Phần Chế Biến Thực Phẩm Sông Hậu	444.608	12.226.720.000	444.608	12.226.720.000
Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt	300	30.000.000.000	300	30.000.000.000
Công ty Cổ Phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành	550.000	5.550.000.000	550.000	5.550.000.000
Cho Công ty Cổ Phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành vay (Xem mục 8)		19.000.000.000		19.000.000.000
Cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương Mại Tân Phát vay		19.180.000.000		19.180.000.000
Cho Công ty Lâm Nghiệp Phước An vay		2.200.000.000		2.200.000.000
Trái phiếu chính phủ		<u>35.000.000</u>		<u>35.000.000</u>
<b>Cộng</b>		<b><u>143.083.720.000</u></b>		<b><u>142.683.720.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.10. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng – VND	940.735.863.493	1.055.233.661.682
Vay ngân hàng – USD	654.300.637.727	409.873.590.361
Vay chiết khấu – USD	-	-
Vay đối tượng khác	-	1.900.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>8.475.000.000</u>	<u>27.842.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.603.511.501.220</u></b>	<b><u>1.494.849.252.043</u></b>

Các khoản vay ngân hàng bằng VND và USD có lãi suất tùy thuộc vào từng hợp đồng và kế ước nhận nợ. Các khoản vay bằng VND có lãi suất từ 6,9%/năm đến 19,2%/năm. Các khoản vay bằng USD có lãi suất từ 1,58%/năm đến 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và hàng tồn kho.

### 5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	265.302.703.609	129.645.941.698
Người mua trả tiền trước	<u>58.984.287.076</u>	<u>51.174.612.557</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>324.286.990.685</u></b>	<b><u>180.820.554.255</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	7.058.268.779	2.125.582.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.844.638.224	2.963.848.503
Thuế thu nhập cá nhân	330.132.113	158.674.939
Các loại thuế khác	257.321.279	13.979.030
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.490.360.395</b>	<b>5.262.084.879</b>

### 5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	558.042.875	558.042.875
Kinh phí công đoàn	177.186.450	156.421.323
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.649.453.551	829.262.885
Phải trả lương nhân viên nghỉ việc	-	264.357.900
Khấu trừ lương lập quỹ	276.725.650	-
Nguồn quỹ giữ hộ Trung tâm đào tạo Trường Thành	-	56.372.641
Cổ tức phải trả	660.114.000	850.414.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.005.786.907	3.407.943.724
Phải trả các bên liên quan	-	1.342.716.536
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.327.309.433</b>	<b>7.465.531.884</b>

### 5.14. Vay và nợ dài hạn

Các khoản vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng với thời gian vay từ 5 năm đến 7 năm, lãi suất từ 14% đến 21%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, nhà xưởng, máy móc, thiết bị và nguyên liệu gỗ của các Công ty con.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.15. Vốn chủ sở hữu**

**5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: triệu đồng

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>312.498</b>	<b>338.265</b>	<b>3.213</b>	<b>(421)</b>	<b>-</b>	<b>6.152</b>	<b>3.768</b>	<b>9</b>	<b>27.519</b>	<b>691.003</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	10.860	10.860
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ thặng dư	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	140	66	3.8	-	209.8
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(886)	(886)
Giảm khác	-	-	-	-	(16.184)	-	-	-	(85)	(16.269)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>312.498</b>	<b>338.265</b>	<b>3.213</b>	<b>(421)</b>	<b>(16.184)</b>	<b>6.292</b>	<b>3.834</b>	<b>12.8</b>	<b>37.408</b>	<b>684.919</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.15.2. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Quý I năm 2011 (Hợp nhất 12 Công ty)	Quý I năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Lợi nhuận hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	7.885.296.344	5.507.568.309
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	31.241.258	20.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>252.40</b>	<b>269</b>

### 5.15.3. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	27.519.230.994
Lợi nhuận sau thuế trong năm	10.469.379.333
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(579.881.091)
Chia cổ tức	
Khác	
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>37.408.729.236</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

#### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I năm 2011 (Hợp nhất 12 Công ty)	Quý I năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Doanh thu bán hàng	565.678.501.222	343.324.706.426
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.992.364.689	2.425.199.895
Doanh thu vật liệu xây dựng	1.334.600.097	-
Doanh thu khác	86.676.660	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(182.288.950)	(9.204.825.240)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>568.909.853.718</b>	<b>336.545.081.081</b>

#### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Quý I năm 2011 (Hợp nhất 12 Công ty)	Quý I năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Giá vốn hàng bán	487.289.045.975	273.068.787.819
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	589.611.360	2.034.405.259
Giá vốn vật liệu xây dựng	723.810.201	-
Khác	84.114.465	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>488.686.582.001</b>	<b>275.103.193.078</b>

#### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I năm 2011 (Hợp nhất 12 Công ty)	Quý I năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	3.044.743.581	833.893.550
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.693.105.743	386.649.780
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.737.849.324</b>	<b>1.220.543.330</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 3 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 6.4. Chi phí tài chính

	Quý I năm 2011 (Hợp nhất 12 Công ty)	Quý I năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Chi phí lãi vay	44.320.634.349	26.740.758.457
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.244.363.294	644.223.476
Phí ngân hàng	1.076.484.563	1.418.777.080
Khác	6.796.765	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.648.278.970</b>	<b>28.803.759.013</b>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	Quý I năm 2011 (Hợp nhất 12 Công ty)	Quý I năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Chi phí nhân viên	239.748.111	442.261.886
Chi phí vật liệu bao bì	161.921.845	-
Chi phí xuất hàng, vận chuyển, bốc xếp	5.061.010.655	4.331.792.110
Chi phí khấu hao	123.822.973	38.734.073
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	633.182.057	365.243.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	581.912.852	-
Chi phí bằng tiền khác	828.990.455	1.191.261.771
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.630.558.948</b>	<b>6.369.293.194</b>

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I năm 2011 (Hợp nhất 12 Công ty)	Quý I năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Chi phí nhân viên quản lý	15.447.572.460	13.773.956.204
Chi phí đồ dùng văn phòng	919.076.004	360.567.820
Chi phí khấu hao	1.541.577.363	1.531.667.463
Thuế, phí và lệ phí	383.523.070	311.524.419
Chi phí dự phòng	6.555.000	-
Chi phúc lợi nhân viên	70.650.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.275.425.056	2.055.931.483
Chi phí bằng tiền khác	1.493.189.926	3.288.083.077
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.137.993.279</b>	<b>21.321.730.466</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

**7. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

**8. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 05 năm 2011.

Bình Dương, ngày 15 tháng 05 năm 2011

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**NGUYỄN VĂN HẬU**

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC**



**VÕ TRƯỜNG THÀNH**

